TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/DS-ST
Ngày 16 - 10 - 2019
"Về việc Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Thơ

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2019/TLST- DS ngày 14/6/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 (Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019) giữa các đương sự:

- ***N****guyên đơn:* Bà Dương Thiên Th, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Dừa Đỏ 1, xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Công Thiện Hùng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Dương Thiên Th trình bày: Vào ngày 10/7/2018 bà có cho ông Trần Quang H vay 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), thỏa thuận lãi suất 6.000.000đ/tháng, thời hạn vay 15 ngày. Tiếp theo ngày 18/10/2018 ông H vay thêm 25.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 375.000/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền

109.250.000đ (trong đó, gốc 65.000.000đ, lãi 44.250.000đ), lãi tính từ tháng 11/2018 cho đến ngày 31 tháng 5 năm 2019. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Quang H vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện tốt. Riêng ông Hưởng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Thẩm phán thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ chặt chẽ, đảm bảo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện tốt các qui định tại các Điều của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thiên Th. Buộc ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền gốc và tiền lãi theo quy định tại khoản 1 (đối với khoản lãi có thỏa thuận thời hạn trả), khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà Th rút. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Dương Thiên Th khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang H trả cho bà vốn gốc và lãi là 109.250.000đ (trong đó, vốn gốc 65.000.000đ, lãi 44.250.000đ), nên quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay*" theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Trần Quang H có nơi cư trú ấp Công Thiện Hùng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ vay tiền giữa ông Trần Quang H và bà Dương Thiên Th là quan hệ vay tiền có làm biên nhận, có ghi tổng số tiền ông H vay của bà Th là 65.000.000đ (gồm biên nhận vay ngày 10/7/2018 và ngày 17/10/2018). Tại thời điểm vay tiền cho đến tháng 11/2018 thì ông H còn ở nơi cư trú ấp Công Thiện Hùng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nhưng sau đó ông H đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà Th biết về nơi cư trú mới của

mình theo quy định tại khoản 3, Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được coi là ông H cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã cấp tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông H biết nhưng ông H không ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thiên Th, xem như ông H thừa nhận có vay tiền của bà Th và còn thiếu nợ chưa trả. Do đó, cần buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền còn thiếu là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà Th thừa nhận trong quá trình vay thì ông H có trả lãi cho bà tổng cộng 18.375.000đ, nay bà Th chỉ yêu cầu ông H trả lãi cho bà Theo quy định của pháp luật và yêu cầu cấn trừ vào số tiền bà đã nhận của ông H, đồng thời cấn trừ tiếp vào vốn gốc.

[3] *Về lãi suất*: Tại phiên tòa hôm nay, bà Th xác định:

* Đối với khoản vay 40.000.000đ vào ngày 10/7/2018, từ khi vay cho đến ngày 10/10/2018 ông H đã đóng lãi cho bà là 6.000.000đ x 3 tháng 18.000.000đ. Nay, bà yêu cầu ông H tiếp tục trả lãi cho bà từ ngày 11/10/2018 cho đến ngày 31/5/2018 là 7 tháng x 6.000.000đ = 42.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu này của bà Th chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi lẽ, theo biên nhận vay ngày 10/7/2018 đối với số tiền 40.000.000đ thì giữa bà Th và ông H thỏa thuận thời hạn vay là 15 ngày, lãi suất ghi là theo thỏa thuận nhưng không ghi cụ thể lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu %. Tại phiên tòa hôm nay, bà Th xác nhận bà đã nhận tiền lãi của ông H trả cho bà đối với khoản vay này là 6.000.000đ/tháng (tương đương 15%/tháng), nhận 03 tháng là 18.000.000đ. Như vậy, đối với khoản vay này thuộc trường hợp vay có thỏa thuận về lãi được Bộ luật Dân sự quy định khoản 1 Điều 468 "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ... Trường hợp lãi suất thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*". Như vậy, việc thỏa thuận về lãi suất giữ bà Th và ông H là vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu về lãi suất của bà Th đối với khoản vay này được Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi được tính như sau:

- Lãi suất có thỏa thuận trong thời hạn vay tiền giữa ông H với bà Th là 15 ngày (từ ngày 10/7/2018 đến ngày 25/7/2018) là 15 ngày x 40.000.000đ x 1,66% : 30 ngày = 332.000đ.

- Lãi không nằm trong thời hạn thỏa thuận được Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, được tính từ ngày 26/7/2018 cho đến ngày 31/5/2019 (bà Thanh chỉ yêu cầu tính lãi

đến thời gian này) là 310 ngày x 40.000.000đ x 10%/năm : 365 ngày = 3.397.260đ.

Như vậy, cộng số tiền lãi của khoản vay 40.000.000đ, ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà Th là 3.729.260đ (332.000đ + 3.397.260đ). Tại phiên tòa hôm nay, bà Th xác nhận đã nhận của ông H là 18.000.000đ. Như vậy, số tiền lãi bà Th đã nhận của ông H vượt so với nghĩa vụ trả lãi của ông H đối với khoản vay này là 14.270.740đ (18.000.000đ - 3.729.260đ) số tiền này được cấn trừ tiếp vào vốn gốc 40.000.000đ - 14.270.740đ = 25.729.260đ.

* Đối với khoản vay 25.000.000đ vào ngày 18/10/2018, bà Th xác định từ khi vay cho đến ngày 18/11/2018 ông H đã đóng lãi cho bà 01 tháng là 375.000đ. Nay, bà yêu cầu ông H tiếp tục trả lãi cho bà từ ngày 18/11/2018 cho đến ngày 31/5/20198 là 6 tháng x 375.000đ = 2.250.000đ. Xét thấy, yêu cầu này của bà Th chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi lẽ, theo biên nhận vay tiền ngày 17/10/2018 đối với số tiền 25.000.000đ thì giữa bà Th với ông H không có thỏa thuận mức lãi suất cho vay cũng như không có thỏa thuận về thời hạn trả lãi là thuộc trường hợp vay không có thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời gian trả nợ, được quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 469. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu về lãi suất của bà Th theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Lãi được tính từ ngày 18/10/2018 đến ngày 31/5/2019 (theo yêu cầu của bà Th) là 198 ngày x 25.000.000đ x 10%/tháng : 365 ngày = 1.356.164đ.

Cộng số tiền lãi của khoản vay 25.000.000đ, ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà Th là 1.356.164đ nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Th xác nhận bà đã nhận của ông H là 375.000đ. Như vậy, số tiền lãi ông H có nghĩa vụ trả cho bà Thanh là 981.164đ (1.356.164đ – 375.000đ).

Từ nhận định trên cần buộc ông Trần Quang H có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thiên Th tổng cộng số tiền là 51.710.424đ (25.729.260đ + 25.000.000đ + 981.164đ).

Bà Th không yêu cầu tính lãi từ ngày 31/5/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa nay, bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 57.539.576đ (109.250.000đ - 51.710.424đ) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do trước đây khi khởi kiện bà không cấn trừ số tiền ông H đã trả bà.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3, Điều 40; Điều 429; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thiên Th.

Buộc ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thiên Th số tiền 51.710.424đ (trong đó: vốn gốc 50.729.260đ, lãi 981.164đ).

Bà Th không yêu cầu tính lãi từ ngày 31/5/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 57.539.576đ (109.250.000đ - 51.710.424đ) mà bà Dương Thiên Th đã rút.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ nộp 2.585.521đ (*Hai triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thiên Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.700.000đ theo biên lai thu tiền số 0002765 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Quang H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi ông H cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Gẫm